

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 06/2018/DS-ST

Ngày: 28-02-2018

V/v “*Tranh chấp kiện đòi nợ do
mua bán thức ăn nuôi tôm*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Liềm;

2. Bà Lê Thị Nương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 28/02/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2017/TLST-DS, ngày 29/12/2017 về việc “Tranh chấp kiện đòi nợ do mua bán thức ăn nuôi tôm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Trần Đức Kh** - sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ph, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông **Võ Văn H** - sinh năm 1971 (có mặt) cùng vợ bà **Nguyễn Thị L** - sinh năm 1970 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Ph, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/11/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Đức Kh trình bày: Tôi và ông H có giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm với nhau từ ngày 15/5/2016 âm lịch đến ngày 15/10/2016 thì ông H có trả cho tôi được 52.000.000 đồng nên còn thiếu lại 52.555.000 đồng nhưng do làm ăn thua lỗ nên ông H không thực hiện việc trả nợ đúng hạn dẫn đến việc yêu cầu chính quyền can thiệp.

Sau khi tổ hòa giải làm việc ông H đã thừa nhận số nợ trên và xin trả dần 03 tháng/lần, số tiền 5.000.000 đồng nhưng ông H vẫn không thực hiện mà để kéo dài đến nay.

Nguyên vọng: Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị L phải trả cho tôi số tiền 52.555.000 đồng và tính lãi suất theo quy định của Nhà nước từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử và trả một lần là dứt nợ.

Tại bản tự khai đề ngày 29/01/2018 cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn H trình bày: Tôi có hợp đồng mua thức ăn của anh Kh và có nợ anh Kh số tiền là 96.000.000 đồng nhưng sổ của anh Kh thì tới 102.000.000 đồng, tôi đã trả cho anh Kh được 52.000.000 đồng, còn nợ lại 52.555.000 đồng. Trong khi đó có hợp đồng với nhau nếu tôi mua tới vụ trả thì tính giá bằng 615.000 đồng một bao, nếu thiếu lại thì tính bằng 665.000 đồng. Do tôi nuôi tôm bị thất bại tôi không có tiền trả cho anh Kh thì anh Kh không cung cấp thức ăn cho tôi nên tôi phải đi mua chỗ khác, từ đó đến nay tôi làm ăn bị thua lỗ nên không có tiền trả cho anh Kh.

Nguyên vọng: Tôi thừa nhận còn thiếu anh Kh số tiền 52.555.000 đồng nhưng hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên tôi xin trả dần theo vụ tôm là 4 tháng trả 3.000.000đ cho đến hết nợ còn anh Kh yêu tính lãi thì tôi không có khả năng trả lãi.

Đối với bà Nguyễn Thị L: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị L vợ ông H nhiều lần nhưng bà L không đến Tòa án và cũng không làm văn bản ghi ý kiến của mình về việc anh Kh khởi kiện yêu cầu bà và ông H cùng liên đới trả cho anh số tiền là 52.555.000 đồng và tính lãi theo quy định của Nhà nước nhưng bà có đơn xin vắng mặt từ khi hòa giải đến xét xử. Hơn nữa, trong đơn xin vắng mặt thì bà L xác định là bà không biết việc mua bán giữa chồng bà và anh Kh nên yêu cầu Tòa án xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Đức Kh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị L trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn thiếu nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp “Kiện đòi nợ do mua bán thức ăn nuôi tôm” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Nguyễn Thị L là đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Hai bên đương sự đã thừa nhận là ông H có đến cửa hàng thức ăn của anh Kh mua thức ăn về để sản xuất nuôi tôm đúng sự thật.

Ông H thừa nhận có mua thức ăn nuôi tôm của anh Kh trong năm 2016 và ông còn thiếu anh Kh số tiền là 52.555.000 đồng chưa trả nhưng ông H cam kết và hẹn trả nhiều lần mà không thực hiện, để kéo dài nay chưa thanh toán được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 290 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Kh yêu cầu bà L vợ ông H cùng liên đới trả cho anh số tiền trên còn ông H và bà L cho rằng bà L không biết việc mua bán

thức ăn tôm là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, ông H mua thức ăn về để nuôi tôm là phục vụ cho gia đình. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình thì Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Tuy, bà L không có trực tiếp giao dịch nhưng mục đích mua thức ăn để nuôi tôm của ông H là vì nhu cầu thiết yếu của gia đình nên bà L cũng phải cùng thực hiện nghĩa vụ với ông H. Do đó, buộc ông H, bà L phải trả số tiền còn thiếu cho là có căn cứ và đúng với pháp luật.

[3] Về lãi suất: Đối với yêu cầu trả lãi, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Kh yêu cầu ông H, bà L phải trả lãi trên số tiền gốc từ ngày 01/01/2017 cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất do Nhà nước quy định là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005. Theo quy định khoản 2 Điều 305 thì: *“Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*.

Căn cứ vào quy định trên thì việc anh Kh yêu cầu ông H, bà L phải chịu lãi chậm trả theo lãi suất Nhà nước quy định là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, giá vật tư hiện nay tăng cao so với thời điểm mua hàng nên anh Kh đã bị thiệt hại. Do vậy, việc anh Kh yêu cầu tính lãi là đúng với thực tế và hợp lý nên thời gian tính lãi là từ ngày 01/01/2017 đến ngày xét xử là 13 tháng 27 ngày.

Do đó, theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm : 12 tháng = 0,75%/tháng. Số tiền lãi ông H, bà L phải trả là: 52.555.000đ x 0,75%/tháng x 13 tháng 27 ngày = 5.478.858,75đ; tổng cộng vốn và lãi là: 52.555.000đ + 5.478.858,75đ = 58.033.858,75đ làm tròn là 58.034.000đ.

Do đó, tổng số tiền vốn và lãi mà ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho anh Trần Đức Kh là: 58.034.000 đồng (*Năm mươi tám triệu, không trăm, ba mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí DSST: Do yêu cầu của anh Trần Đức Kh được chấp nhận nên ông Võ Văn H, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 58.034.000 đồng x 5% = 2.901.700đ làm tròn 2.902.000đ (*Hai triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng*).

Anh Trần Đức Kh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000198 ngày 29/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 290, Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Đức Kh đối với bị đơn ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị L.

Buộc ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị L phải có trách nhiệm trả cho anh Trần Đức Kh số tiền 58.034.000 đồng (*Năm mươi tám triệu, không trăm, ba mươi bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm là: 2.902.000đ (*Hai triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng*) buộc ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị L phải nộp.

Anh Trần Đức Kh được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0000198 ngày 29/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 28/02/2018.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Trần Hoài Thanh